

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Phong;
- Bà Lê Bích Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 449/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Số A, đường số E, tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Thái Hoàng Đ, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Số G, khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Thái Hoàng Đ vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Thái Hoàng Đ do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 21/HT, quyển số 01/2014 ngày 26/02/2014). Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông Đ có 01 con chung tên Thái Đăng K1, sinh ngày 01/7/2015. Hiện cháu K1 đang sống chung với ông Đ.

Theo bà K, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà K và ông Đ không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K xin được ly hôn. Bà K đồng ý để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung và xin không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt. Bà K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nơi cư trú ông Đ; ghi nhận ý kiến con chưa thành niên.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2024, đại diện Ban ấp khóm P, thị trấn Đ cho biết: Ông Thái Hoàng Đ, sinh năm 1993 có cha là ông Thái Phước C, sinh năm 1970 và mẹ là Lê Thị T, sinh năm 1974 vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương. Hiện ông Đ đang đi làm xa nhưng lâu lâu có về thăm nhà. Ông Đ có vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ K, hai vợ chồng hiện đã không còn sống chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì không rõ.

Theo Biên bản xác minh ngày 12/01/2024, bà Lê Thị T cho biết: Bà T là mẹ ruột của ông Thái Hoàng Đ. Ông Thái Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ K chung sống có cãi vã, bà K dẫn cháu Thái Đăng K1 về sống với bà T rồi bỏ đi. Ông Đ và bà K đã không còn chung sống khoảng 02 năm nay, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Ông Đ và bà Kim c sống có 01 con chung, hiện đang sống chung cùng ông Đ.

Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Công an thị trấn Đ cung cấp ngày 26/02/2024, ông Thái Hoàng Đ, sinh ngày 19/3/1993, hiện có nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 09/01/2024, cháu Thái Đăng K1 có nguyện vọng sống cùng ông Đ sau khi bà K và ông Đ ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà K, kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà K và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Thái Đăng K1 cho ông Đ trực tiếp nuôi dạy. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung, do ông Đ vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, nếu ông Đ có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ K khởi kiện xin ly hôn với ông Thái Hoàng Đ và đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Thái H Được cư trú tại khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà K có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy các đương sự đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà K và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà K và ông Đ là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà K và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết, ông Đ không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc bà K xin ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà K và ông Đ đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông Đ có một con chung tên Thái Đăng K1, sinh ngày 01/7/2015. Hiện cháu K1 đang sống cùng ông Đ và do ông Đ nuôi dạy. Xét thấy, cháu K1 hiện đang sống với ông Đ và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông Đ. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K1 cho ông Đ được tiếp tục nuôi dạy.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Nguyễn Thị Mỹ K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Thái Hoàng Đ. Ông Thái Hoàng Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Mỹ K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do ông Đ vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K1 nên không đề cập xem xét, nếu ông Đ có yêu cầu về mức cấp dưỡng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, ông Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ K.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ K được ly hôn với ông Thái Hoàng Đ.

2. Về con chung: Ông Thái Hoàng Đ được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Thái Đăng K1, sinh ngày 01/7/2015. Bà Nguyễn Thị Mỹ K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Mỹ K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Thái Hoàng Đ. Ông Thái Hoàng Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Mỹ K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0009170 ngày 15/12/2023. Ông Thái Hoàng Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Thái Hoàng Đ là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- THADS huyện An Phú;
- UBND phường Núi Sam,
thành phố Châu Đốc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn